

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phùng Thị T, sinh năm 1966 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Nam Hải, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn N và bà Nguyễn Thị L; có chồng Nguyễn Văn H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/9/2019, có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Việt A, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Thị T1, Phùng Thị T2, Đỗ Trọng H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 18/8/2019, Phùng Thị T đến nhà chị Phùng Thị T2 (là cháu họ) ở thôn Ni, xã Đ, huyện K chơi nhưng chị T2 không có nhà; T quan sát trong phòng ngủ nhà chị T2 có anh Lê Việt A và chị Nguyễn Thị T1 đang ngủ, trên đầu giường có 01 điện thoại di động Iphone 7, màu đen, cuối giường có 01 ví da. T lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi áo và mang chiếc ví ra ngoài phòng khách kiểm tra trong ví có tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cùng một số tờ tiền mệnh giá nhỏ; Tuân lấy 500.000 đồng rồi để ví vào vị trí cũ và đi thẳng về nhà ở thôn N, xã Đ, huyện K cất giấu. Khoảng 18 giờ cùng ngày T mang chiếc điện thoại đã trộm cắp đến cửa hàng điện thoại “H Mobile” ở Thôn V3, xã Đ, huyện K bán cho anh Đỗ Trọng H lấy 700.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua điện thoại của T; anh H phát hiện chiếc điện thoại trên giống điện thoại của chị T1 mà trước đây anh H đã bán cho chị T1 nên anh H liên hệ với chị T1 thông báo về nội dung mua điện thoại của T1. Sau đó chị T1 và anh A đến cửa hàng điện thoại của anh H chuộc lại chiếc điện thoại trên, tự nguyện cảm ơn anh H 1.000.000 đồng

Ngày 20/8/2019, anh Lê Việt A làm đơn trình báo vụ việc đến Ban Công an xã Đ và giao nộp chiếc điện thoại di động Iphone 7 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết vụ việc.

Ngày 21/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K sao chép hình ảnh diễn biến sự việc bán điện thoại của Phùng Thị T cho anh H do camera an ninh của cửa hàng điện thoại “H Mobile” ghi lại vào thiết bị lưu trữ USB.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 27/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Chiếc điện thoại di động Iphone 7 trị giá 3.000.000 đồng.

Ngày 03/9/2019 Cơ quan điều tra tạm giữ 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 khăn bịt mặt, dạng khẩu trang, 01 áo phông ngắn tay, 01 quần chun lưng màu hồng của Phùng Thị T.

Quá trình điều tra, Phùng Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên

Bị hại Lê Việt A khai nhận như nội dung nêu trên và khai: A là người yêu của chị Nguyễn Thị T1, đêm ngày 17/8/2019 A và T ngủ nhờ nhà chị T2 (bạn của T2), khi ngủ anh để chiếc điện thoại di động Iphone 7 ở đầu giường, để chiếc ví da màu đen ở cuối giường, trong ví có tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và một số tờ tiền mệnh giá nhỏ, sáng hôm sau ngủ dậy anh tìm điện thoại không thấy, kiểm tra trong ví bị mất tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nhưng không biết ai lấy. Trưa ngày 19/8/2019 anh và T1 được anh H thông tin về việc anh H mua chiếc điện thoại giống chiếc điện thoại mà anh H đã bán cho T1 trước đây, sau đó anh và T1 thuê

xe Taxi đến quán anh H nhận dạng đúng chiếc điện thoại của anh bị mất. Ngay sau đó anh chuộc lại chiếc điện thoại trên và tự nguyện cảm ơn anh H 1.000.000 đồng. Ngày 20/8/2019 anh làm đơn trình báo Ban Công an xã Đ và giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K chiếc điện thoại Iphone 7. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại anh chiếc điện thoại trên, giữa anh và Phùng Thị T đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau về việc bồi thường, T đã bồi thường cho anh số tiền 2.000.000 đồng (gồm 500.000 đồng T đã lấy trộm trong ví, còn lại 1.500.000 đồng T trả anh tiền chuộc điện thoại và tiền anh thuê xe Taxi đi lại). Anh không yêu cầu T bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, giảm hình phạt cho T. Anh xác định số tiền 500.000 đồng và chiếc điện thoại Iphone 7 mà T đã trộm cắp thuộc quyền sở hữu của anh; nguồn gốc số tiền do anh lao động mà có, nguồn gốc chiếc điện thoại do T1 đã tặng cho anh từ lâu.

Người làm chứng Nguyễn Thị T1 khai phù hợp với lời khai của bị hại Lê Việt A và khẳng định chiếc điện thoại Iphone 7 anh A đang sử dụng bị mất vào ngày 18/8/2019 thuộc quyền sở hữu của anh A, có nguồn gốc của chị trước đây mua của anh H nhưng chị đã tặng cho anh A từ lâu, chị không ý kiến gì.

Người làm chứng Đỗ Trọng H khai phù hợp với nội dung nêu trên, phù hợp với lời khai Phùng Thị T, lời khai của anh Lê Việt A, chị Nguyễn Thị T1. Ngoài ra anh khai, khi T bán điện thoại cho anh, T nói điện thoại của T do T nhặt được, nên anh đồng ý mua với giá 700.000 đồng, sau khi sự việc được làm rõ, anh đã giao lại chiếc điện thoại trên cho anh A là chủ sở hữu hợp pháp, anh A tự nguyện cảm ơn anh 1.000.000 đồng, vì vậy quyền lợi của anh không bị thiệt hại, nên anh không yêu cầu T phải trả lại anh số tiền 700.000 đồng, ngoài ra anh không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Iphone 7 cho anh Lê Việt A là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 khăn bịt mặt, dạng khẩu trang, 01 áo phông ngắn tay, 01 quần chun lưng màu hồng thu giữ của Phùng Thị T chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Phùng Thị T và anh Lê Việt A đã tự thống nhất thỏa thuận với nhau về việc bồi thường, T tự nguyện bồi thường cho anh A số tiền 2.000.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng T đã trộm cắp của anh A, số tiền còn lại T trả cho anh A chuộc điện thoại và thuê xe Taxi đi lại). Anh A không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Ngoài ra bị cáo khai nhận: Trước, trong khi thực

hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không bàn bạc với ai, không ai xúi giục bị cáo; khi bán điện thoại cho anh H, bị cáo không nói cho anh H biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh A số tiền 2.000.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng bị cáo đã trộm cắp của anh A, số tiền còn lại bị cáo trả cho anh A chuộc lại điện thoại và chi trả tiền xe đi lại). Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không nghề nghiệp, chỉ ở nhà chăm sóc chồng bị bệnh liệt mấy năm nay, cuộc sống hàng ngày phụ thuộc vào các con bị cáo.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKS-KT, ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Phùng Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phùng Thị T về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Do bị cáo không có thu nhập, hoàn cảnh khó khăn, nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và nhận bồi thường đầy đủ, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 7 cho anh Lê Việt A chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật. Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 khăn bịt mặt, dạng khẩu trang, 01 áo phông ngắn tay, 01 quần chun lưng màu hồng thu giữ của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý); tại phiên tòa bị cáo xin lại toàn bộ vật chứng trên để sử dụng, nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất, được cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, lời khai của người những người làm chứng, vật chứng thu được, Kết luận định giá tài sản và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 18/8/2019, tại nhà chị Phùng Thị T1 thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; Phùng Thị T có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Iphone 7 trị giá 3.000.000 đồng và 500.000 đồng của anh Lê Việt A. Tổng trị giá tài sản là 3.500.000 đồng. Như vậy bị cáo Phùng Thị T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố và đề nghị.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để phòng ngừa tội phạm; tuy nhiên cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo để quyết định hình phạt.

Nhân thân bị cáo: Không có tiền án, tiền sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Iphone 7 cho anh Lê Việt A chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật. Đối với chiếc mũ bảo hiểm màu đen, chiếc khăn bịt mặt, dạng khẩu trang, 01 áo phong ngắn tay, 01 quần chun lưng màu hồng thu giữ của bị cáo (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý); xét số vật chứng trên là tài sản của bị cáo, không phải là công cụ, phương tiện dùng vào phạm tội; tại phiên tòa bị cáo xin lại để sử dụng, cần trả lại cho bị cáo là đúng theo quy định Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong vụ án này, anh Đỗ Trọng H có hành vi mua điện thoại của bị cáo nhưng không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

Bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Thị T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phùng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 khăn bịt mặt, dạng khẩu trang, 01 áo phong ngắn tay, 01 quần chun lưng màu hồng (chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 07/11/2019).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PV06;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu